

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 331/2023/DS-PT

Ngày: 21/3/2023

V/v tranh chấp đòi lại tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Như Hà

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Anh Minh

Bà Lê Thị Mỹ Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Duy Tuấn - Kiểm sát viên.

Từ ngày 16 tháng 3 đến ngày 21 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 473/2022/TLPT-DS ngày 22 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 376/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận O bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2023/QĐPT-DS ngày 09/01/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 1164/2023/QĐ-PT ngày 09/02/2023 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 1930/2023/QĐPT-DS ngày 24/02/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần bảo hiểm A;

Địa chỉ: Tầng 5, CR3-05A, số 109 đường B, phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Công ty:

+ Bà Trần Thị Ngọc E, sinh năm 1981 hoặc ông Hoàng Văn F, sinh năm 1981, địa chỉ: Số 113/14B đường G, khu phố H, phường I, Thành phố J, Thành phố Hồ Chí Minh. (Xin vắng mặt).

Giấy ủy quyền lập ngày 27/10/2021.

+ Ông Cao Thanh K, sinh năm 1980; chức vụ: Trưởng phòng pháp lý Công ty cổ phần bảo hiểm A. Địa chỉ: Tầng 5, CR3-05A, 109 Đường B, phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. (Xin vắng mặt).

Giấy ủy quyền lập ngày 19/7/2022.

Bị đơn: Ông Nguyễn Như L, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Số 788/26B đường M, Phường N, quận O, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của ông L: Bà Nguyễn Thị Tú P, sinh năm 1991; địa chỉ: P5.03 Lô B Chung cư C4 đường Q, Phường Q, quận R, Thành phố Hồ Chí Minh. Giấy ủy quyền lập ngày 22/02/2022. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày:

Ngày 17/8/2018, ông Nguyễn Như L đã làm Đơn xin làm đại lý bảo hiểm với mong muốn gia nhập Công ty cổ phần bảo hiểm A.

Sau khi xem xét hồ sơ, ngày 31/8/2018, Công ty và ông L đã ký Hợp đồng đại lý, ông L chính thức trở thành đại lý của Công ty, đại diện cho Công ty để thực hiện các hoạt động đại lý bảo hiểm, giới thiệu sản phẩm bảo hiểm của Công ty và chào bán các sản phẩm bảo hiểm của Công ty cho các khách hàng tiềm năng. Đồng thời, theo Hợp đồng đại lý này, Công ty sẽ chi trả tiền hoa hồng căn cứ trên các sản phẩm bảo hiểm mà ông L bán được.

Cũng trong ngày 31/8/2018, Công ty và ông L đã ký Hợp đồng Quản lý đại lý, ông L sẽ thực hiện việc quản lý các hoạt động của các đại lý bảo hiểm bên dưới (trong đội nhóm dưới quyền của ông L), để hỗ trợ và đôn đốc các đại lý bên dưới này thực hiện việc giới thiệu sản phẩm bảo hiểm của Công ty và chào bán các sản phẩm bảo hiểm của Công ty cho các khách hàng tiềm năng. Hợp đồng Quản lý đại lý này, Công ty sẽ chi trả thêm cho ông L một khoản tiền thưởng quản lý.

Đến ngày 30/9/2018, Công ty và ông L ký Thỏa thuận hỗ trợ hoạt động kinh doanh dành cho trưởng khu vực kinh doanh. Theo đó, ông L sẽ nhận được khoản hỗ trợ tài chính đặc biệt, nếu đáp ứng một số điều kiện kèm theo.

Bản chất của Thỏa thuận hỗ trợ kinh doanh là một khoản thưởng thêm có điều kiện của Công ty dành cho ông L. Lý do là ông L là người có kinh nghiệm hoạt động đại lý tốt ở Công ty bảo hiểm khác (Công ty bảo hiểm S, Generali), Công ty muốn thu hút nhân tài, nên đã dành cho ông sự đãi ngộ này. Tuy nhiên, đây là khoản tiền thưởng thêm có điều kiện, và các điều kiện đã được các bên (Công ty và ông L) đàm phán và cam kết rất rõ, thể hiện trong các điều khoản của bản thỏa thuận đã ký.

Tại Thỏa thuận ông L đã đồng ý và cam kết hoàn trả lại cho Công ty toàn bộ các khoản hỗ trợ tài chính đã nhận trong trường hợp:

“ii. Trường hợp trường khu vực kinh doanh chấm dứt/ bị chấm dứt Hợp đồng Đại lý/ Hợp đồng Quản lý đại lý với Công ty vì bất kỳ lý do gì trong vòng 18 (mười tám) tháng kể từ ngày nhận khoản Hỗ trợ tài chính lần sau cùng, trường khu vực kinh doanh có trách nhiệm hoàn trả lại cho Công ty toàn bộ các khoản hỗ trợ tài chính đã nhận.

iii. Trường khu vực kinh doanh đồng ý hoàn trả các khoản hỗ trợ tài chính này trước khi chấm dứt Hợp đồng đại lý/ Hợp đồng Quản lý Đại lý với Công ty, việc hoàn trả được thực hiện theo yêu cầu và thông báo của Công ty”.

Trên thực tế, ông L đã cộng tác với Công ty theo các Hợp đồng/thỏa thuận đã ký kết nêu trên, trong khoảng thời gian từ 31/8/2018 đến 26/6/2020. Trong khoảng thời gian này, Công ty đã chi trả cho ông L tổng cộng 21 lần, với số tiền là 1.337.033.981 đồng, trong đó:

- Tiền hoa hồng và tiền thưởng quản lý: 587.033.981 đồng.

- Khoản hỗ trợ tài chính đặc biệt: 750.000.000 đồng.

Ông L nhận khoản hỗ trợ tài chính lần sau cùng vào ngày 06/11/2019.

Sau đó, từ tháng 11/2019 đến tháng 6/2020, ông L đã không thực hiện bất kỳ hoạt động đại lý nào cho Công ty, cũng không bán được bất kỳ sản phẩm bảo hiểm nào. Đồng thời, ông không thực hiện hoạt động quản lý đội nhóm. Vì vậy, ngày 26/6/2020, Công ty đã ra Thông báo đình chỉ Hợp đồng đại lý, Hợp đồng quản lý đại lý đối với ông L. Thông báo đình chỉ, Công ty có gửi cho ông L qua đường bưu điện. Việc Công ty chấm dứt Hợp đồng đại lý đối với ông L là căn cứ vào điều khoản HĐ đại lý đã ký kết giữa 2 bên, cụ thể tại Điều 16.2: Công ty có quyền chấm dứt Hợp đồng đại lý khi: “Đại lý bảo hiểm không đáp ứng một hoặc các điều kiện duy trì hoạt động tư vấn bảo hiểm” và trang 8 của Chính sách thăng tiến và duy trì Hợp đồng đại lý/Hợp đồng quản lý đại lý: “Nếu một đại lý bảo hiểm bất kỳ mà trong 3 tháng liên tục không bán được 1 Hợp đồng bảo hiểm nào thì Công ty sẽ ra quyết định chấm dứt Hợp đồng đại lý”.

Căn cứ Hợp đồng đại lý bị chấm dứt vào tháng 6/2020, ông L đã không đủ điều kiện để nhận khoản hỗ trợ tài chính đặc biệt theo (Thỏa thuận hỗ trợ hoạt động kinh doanh đã ký ngày 30/9/2018). Vì vậy, ông L có trách nhiệm hoàn trả cho Công ty khoản tiền hỗ trợ tài chính đặc biệt đã nhận là 750.000.000 đồng, trừ khoản quỹ đảm bảo ban đầu mà Công ty đang giữ của ông L là 5.000.000 đồng. Ông L còn phải hoàn trả cho Công ty khoản tiền hỗ trợ tài chính đặc biệt đã nhận là 745.000.000 đồng.

Nếu ông L có thiện chí hòa giải, Công ty chỉ yêu cầu ông L trả 70% của số tiền 750.000.000 đồng. Nếu ông L không chấp nhận hòa giải, Công ty vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là buộc ông L hoàn trả cho Công ty khoản tiền hỗ trợ tài chính đặc biệt đã nhận là 745.000.000 đồng.

Bị đơn trình bày:

Cùng ngày 31/8/2018, ông L ký 02 hợp đồng với Công ty, gồm Hợp đồng đại lý bảo hiểm số SG3/PHL/HĐDL/60016251 và Hợp đồng quản lý đại lý bảo

hiểm số SG3/PHL/HĐQL/60016251. Tại mục số 03 của 02 hợp đồng có thể hiện phụ lục đính kèm theo 02 hợp đồng.

*Mục số 3 của Hợp đồng đại lý bảo hiểm số SG3/PHL/HĐDL/60016251, ngày 31/8/2018 nội dung có ghi kèm theo các phụ lục sau:

- Các điều khoản và điều kiện của hợp đồng Đại lý bảo hiểm;
- Phụ lục 1A “Quỹ đảm bảo và các biện pháp bảo đảm áp dụng cho Đại lý bảo hiểm;

- Phụ lục 2 “Thu nhập điều kiện duy trì hợp đồng đại lý bảo hiểm và thăng tiến đối với chuyên viên tư vấn bảo hiểm”;

- Các bản phụ lục khác do Công ty ban hành và các thỏa thuận của 02 bên trong quá trình giao kết và thực hiện hợp đồng, các cam kết riêng của đại lý với công ty hoặc các tài liệu thông báo văn bản, quy trình, quy chế Công ty ban hành vào từng thời điểm nếu có ghi rõ sẽ được áp dụng cho Đại lý;

*Tại mục 3 của hợp đồng quản lý đại lý bảo hiểm số SG3/PHL/HĐQL/60016251 ngày 31/8/2018 nội dung có ghi kèm theo các phụ lục sau:

- Các phụ lục hợp đồng khác nếu có;
- Các bản phụ lục khác do Công ty ban hành và các thỏa thuận của 02 bên trong quá trình giao kết và thực hiện hợp đồng, các cam kết riêng của đại lý với công ty hoặc các tài liệu thông báo văn bản, quy trình, quy chế Công ty ban hành vào từng thời điểm nếu có ghi rõ sẽ được áp dụng cho Đại lý.

Thời điểm ký hợp đồng Công ty chỉ giao cho ông L 02 bản hợp đồng chính là Hợp đồng đại lý bảo hiểm số SG3/PHL/HĐDL/60016251 và Hợp đồng quản lý đại lý bảo hiểm số SG3/PHL/HĐQL/60016251. Ngoài ra, Công ty không giao cho ông L các phụ lục Hợp đồng đính kèm theo như tại mục số 3 của 02 hợp đồng quy định.

Hệ thống AVICAD của Hiệp hội bảo hiểm Việt Nam ghi nhận tình trạng quan hệ đại lý của ông L và Công ty là: Chưa chấm dứt.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty, ông L không chấp nhận.

Căn cứ không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty:

- Thứ 1: Không áp dụng mục 3 của thỏa thuận hỗ trợ. Vì các lý do sau:

- + Mục 3.1 chưa xảy ra sự kiện thay đổi chức vụ, chưa nhận bất kỳ văn bản nào về thay đổi chức vụ.

- + Mục 3.2 chưa xảy ra trường hợp chấm dứt hoặc bị chấm dứt hợp đồng đại lý, hợp đồng quản lý. Vì không có bất kỳ văn bản nào chứng minh việc chấm dứt theo Điều 16 của Hợp đồng đại lý, không có bất kỳ chứng cứ nào về việc không đáp ứng điều kiện theo mục IV của chính sách thăng tiến. Chỉ có duy nhất thông báo đình chỉ ngày 26/6/2020 do Công ty ban hành, ông L không nhận được và thông báo này không có giá trị pháp lý.

+ Mục 3.3 không có cơ sở áp dụng vì không có căn cứ để hoàn trả hỗ trợ tài chính theo mục 3.1 và mục 3.2.

- Thứ 2: Thông báo đình chỉ ngày 26/6/2020 không có giá trị pháp lý vì các lý do sau:

+ Trong hợp đồng đại lý không có quy định về trường hợp đình chỉ hợp đồng đại lý.

+ Theo Điều 292 Luật thương mại đình chỉ hợp đồng là một chế tài thương mại và theo Điều 310 Luật thương mại thì phải xảy ra hành vi, vi phạm mà các bên đã thỏa thuận là điều kiện đình chỉ hợp đồng. Do đó, thông báo đình chỉ hoàn toàn không có cơ sở pháp lý và không có giá trị áp dụng.

+ Ngoài ra theo Điều 315 Luật thương mại bên đình chỉ thực hiện hợp đồng có nghĩa vụ thông báo ngay cho bên còn lại. Trong trường hợp này ông L không nhận được thông báo đình chỉ này từ phía Công ty. Do đó, việc đình chỉ hợp đồng không có hiệu lực và cũng không là căn cứ dẫn đến chấm dứt hợp đồng đại lý

- Thứ 3: Chưa xảy ra sự kiện dẫn đến chấm dứt hợp đồng đại lý theo Điều 16 của hợp đồng đại lý. Công ty không chứng minh được bất kỳ vi phạm nào của ông L, không ban hành bất cứ văn bản chứng cứ nào về hành vi, vi phạm, không có bất kỳ biên bản nào về vi phạm Điều 16 dẫn đến chấm dứt hợp đồng đại lý. Do đó, ông L cho rằng tính đến nay quan hệ hợp đồng đại lý giữa ông L và Công ty vẫn chưa chấm dứt. Ngoài ra theo thông tin chính thức trên trang Web của Bộ tài chính, Cục giám sát bảo hiểm, hiện ông L vẫn đang là đại lý chính thức của Phú Hưng, chưa hề chấm dứt quan hệ đại lý.

- Thứ 4: Theo thỏa thuận hỗ trợ ông L chỉ nhận được tiền hỗ trợ sau khi đáp ứng các điều kiện do Công ty đặt ra về doanh số, tuyển dụng theo Mục 2 trang 2 và trang 3 của Thỏa thuận hỗ trợ. Do đó, việc Công ty chuyển khoản tiền hỗ trợ cho ông L chứng minh ông L đã đáp ứng điều kiện nhận khoản hỗ trợ này bằng công sức lao động của mình (đây không phải là khoản ứng trước hay tạm ứng). Như đã phân tích ở lý do thứ 1 Công ty hoàn toàn không có cơ sở đòi lại khoản hỗ trợ này.

- Thứ 5: Căn cứ theo IV của chính sách thăng tiến và duy trì hợp đồng đại lý nếu ông L không đạt yêu cầu thì Công ty sẽ gửi thư cảnh báo. Nếu sau khi nhận thư cảnh báo mà ông L vẫn không thỏa các yêu cầu thì ông L sẽ nhận quyết định nghỉ việc. Ông L xác nhận chưa nhận bất kỳ thư cảnh báo hay quyết định nghỉ việc nào từ phía Công ty. Do đó, quan hệ hợp đồng đại lý vẫn có hiệu lực.

Tại Biên bản hòa giải ngày 18/5/2022, bà P thừa nhận: Ông L có nhận số tiền 750.000.000 đồng của Công ty A là khoản tiền hỗ trợ tài chính có điều kiện (Ông L phải đáp ứng được yêu cầu về doanh số và yêu cầu tuyển dụng).

Từ ngày 06/11/2019, ông L nhận được số tiền hỗ trợ cuối cùng của Công ty A.

Bản án dân sự sơ thẩm số 376/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần bảo hiểm A.

Ông Nguyễn Như L có nghĩa vụ hoàn trả cho Công ty cổ phần bảo hiểm A khoản tiền hỗ trợ tài chính đặc biệt là 745.000.000 (Bảy trăm bốn mươi lăm triệu) đồng.

Thời gian trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Công ty cổ phần bảo hiểm A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông L chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì ông L còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự.

Ngoài ra bản ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 04/10/2022, bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Phía nguyên đơn: Có mặt tại phiên tòa ngày 24/2/2023, có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 16/3/2023 và suốt phiên tòa phúc thẩm: Đề nghị hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn trình bày: Đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bởi lẽ, sau khi ông L đáp ứng các điều kiện do công ty đặt ra về doanh số thì công ty mới chuyển số tiền hỗ trợ, nên công ty không có cơ sở để đòi lại.

Tính đến thời điểm của phiên tòa hôm nay hợp đồng quản lý và hợp đồng đại lý trên hệ thống vẫn thể hiện tình trạng là chưa chấm dứt, nguyên đơn chưa thực hiện quyền chấm dứt theo đúng quy định, bị đơn chưa nhận được quyết định đình chỉ của nguyên đơn. Việc thông báo chấm dứt hợp đồng của nguyên đơn không đảm bảo theo quy định tại Điều 16, Điều 19 của hợp đồng nên không được công nhận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham dự phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về hình thức: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa phúc thẩm cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình.

Về thời hạn kháng cáo của các đương sự là còn trong hạn luật định.

Về nội dung: Phía ông L không có chứng cứ nào chứng minh thực hiện bất kỳ hoạt động đại lý cho cho công ty trong 3 tháng liên tục theo quy định tại mục 1 Điều IV trang 8 quy định điều kiện để duy trì hợp đồng đại lý nên phía

công ty ra thông báo chấm dứt là phù hợp và bị đơn phải có nghĩa vụ hoàn trả lại khoản tiền hỗ trợ tài chính đặc biệt theo quy định.

Yêu cầu kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở.

Đại diện viện kiểm sát đề nghị: Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn nộp trong thời hạn theo quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được chấp nhận xem xét lại bản án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về thủ tục tố tụng: Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp và đưa người tham gia tố tụng đầy đủ và đúng quy định.

Nguyên đơn đã có ý kiến trình bày và có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về nội dung kháng cáo:

Xét đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn:

Căn cứ hợp đồng đại lý bảo hiểm số SG3/PHL/HĐĐL/60016251 và Hợp đồng quản lý đại lý bảo hiểm số SG3/PHL/HĐQL/60016251;

Căn cứ Giấy xác nhận (dành cho IC) và Giấy xác nhận (dành cho DM) lập ngày 31/8/2018, ông L xác nhận đã nhận được các tài liệu ghi trong Giấy xác nhận, cam kết đã đọc và hiểu rõ tất cả các tài liệu nêu trên và không có bất kỳ khiếu nại nào liên quan đến việc Công ty áp dụng và thực thi các tài liệu này;

Căn cứ vào phần 4 mục 1 trang 8 của Chính sách thăng tiến và duy trì hợp đồng đại lý và hợp đồng quản lý đại lý;

Căn cứ vào mục 7.2 Điều 7 và mục 16.2 Điều 16 của Bảng điều kiện và điều khoản của hợp đồng đại lý bảo hiểm;

Căn cứ mà Công ty áp dụng để ban hành Thông báo số 2384-2020/HĐĐL/TBĐC-PHL, ngày 26/6/2020 là có cơ sở.

Việc gửi thông báo của công ty theo đúng trình tự quy định;

Căn cứ mục 3 của Bảng thỏa thuận hỗ trợ hoạt động kinh doanh cho trưởng khu vực kinh doanh; Xác định đây là một bản thỏa thuận có điều kiện.

Bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh thời gian từ tháng 11/2019 đến tháng 6/2020 có bán được hàng hóa của công ty cho khách hàng tiềm năng; giữa ông L và Công ty chưa chấm dứt nên không phát sinh nghĩa vụ trả lại số tiền 750.000.000 đồng cho Công ty là không đúng vì Công ty và ông L đã tự nguyện thỏa thuận trong các văn bản đi kèm hợp đồng, ông L hoạt động không đạt chỉ tiêu nên phát sinh quyền chấm dứt hợp đồng theo thỏa thuận của các bên.

Bị đơn cho rằng đội, nhóm của ông L có bán được hàng hay không, ông L không biết vì ông L không vào được trang web của Công ty là không phù hợp tại

điểm f khoản 4.2 Điều 4 của Bản điều kiện và điều khoản của Hợp đồng quản lý đại lý bảo hiểm.

Công ty yêu cầu ông L hoàn trả khoản tiền đã nhận là phù hợp quy định mà các bên đã tự nguyện thỏa thuận.

Cấp sơ thẩm căn cứ Điều 166 Bộ luật dân sự buộc ông L có nghĩa vụ hoàn trả cho Công ty khoản tiền hỗ trợ tài chính đặc biệt đã nhận là 750.000.000 đồng. Sau khi trừ đi khoản quỹ đảm bảo ban đầu mà Công ty đang giữ của ông L là 5.000.000 đồng, số tiền còn lại ông L phải hoàn trả cho Công ty là 745.000.000 đồng.

Từ những nhận định trên, xét cấp sơ thẩm đã điều tra đầy đủ, áp dụng đúng trình tự thủ tục tố tụng nên yêu cầu kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

Xét đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định của Toà án.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải nộp theo quy định;

Án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải nộp án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 272, Điều 273, Khoản 2, khoản 3 Điều 296 và Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 166, Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Như L.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 376/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận O Thành phố Hồ Chí Minh.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần bảo hiểm A.

Ông Nguyễn Như L có nghĩa vụ hoàn trả cho Công ty cổ phần bảo hiểm A khoản tiền hỗ trợ tài chính đặc biệt là 745.000.000đ (Bảy trăm bốn mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày Công ty cổ phần bảo hiểm A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông L chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì ông L còn phải trả lãi đối với số tiền

chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty cổ phần bảo hiểm A được nhận lại số tiền tạm nộp án phí khi khởi kiện là 16.900.000đ (Mười sáu triệu chín trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0047238, ngày 30/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận O.

- Ông Nguyễn Như L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 33.800.000đ (Ba mươi ba triệu tám trăm nghìn đồng).

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Như L phải nộp án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí do ông L đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng phí số 0049350 ngày 11/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận O.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS Quận O ;
- Tòa án nhân dân Quận O;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Như Hà